

Bản án số: 37 /2020/DS-ST

Ngày 22.9.2020

V/v “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU-TP ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Loan

- Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Huỳnh Tiến

+ Ông Nguyễn Văn Sanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Vui - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu – 344 A Lê Thanh Nghị, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2020/TLST - DS ngày 05 tháng 3 năm 2020 về việc “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXX-ST ngày 01 tháng 6 năm 2020 và thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử vụ án dân sự số 47/TB-TA ngày 01/9/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V; địa chỉ: 89 Láng H, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Mai Mạnh C, ông Trần Xuân Th và ông Hoàng Đức Qu - chức vụ: Cán bộ xử lý nợ Theo Giấy ủy quyền ngày 478/2020/UQ-VPB ngày 18/02/2020 của Phó giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng, SME cá nhân. Địa chỉ: Tầng 4, số 112 Phan Châu T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Ông Trần Xuân Th có mặt, ông Mai Mạnh C và ông Hoàng Đức Q vắng mặt không lý do.

- Bị đơn: Ông Lê Phúc Vinh Qu- Sinh năm 1966; địa chỉ: K448/64/1 Trưng V, phường Hoà Thuận Đ, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp Tòa án ngày 24/02/2020, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V trình bày:

Ngày 11/07/2017 ông Lê Phúc Vinh Qu và Ngân hàng TMCP V có ký hợp đồng tín dụng số 20170711- 0004910 về việc Ngân hàng có cho ông Quvay 63.000.000đ. Thời hạn vay: 36 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên (tức là tính từ ngày 11/07/2017 – 11/07/2020). Hình thức vay là tín chấp. Lãi suất: 38 % /năm. Lãi suất vay quá hạn : 57 % /năm. Mục đích: Vay tiêu dùng. Lãi suất trong hạn và các kỳ điều chỉnh: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm đối với Hợp đồng tín dụng số : 20170711-0004910 là 38 %/năm. Mức điều chỉnh lãi suất 03 tháng/01 lần mức điều chỉnh lãi suất bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 22%/năm.

- Các kỳ hạn trả nợ: Trả gốc: 1 tháng/1 Lần vào ngày 01 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên Hợp đồng tín dụng số : 20170711-0004910 vào ngày 11/07/2017 . Trả lãi 1 tháng/1 Lần đối với Hợp đồng tín dụng số : 20170711-0004910 vào ngày 11/07/2017 .

- Mặc dù thời hạn hợp đồng chưa hết nhưng do ông Lê Phúc Vinh Qu đã vi phạm thỏa thuận về thanh toán được quy định tại điều 6 của hợp đồng nên Ngân hàng đã nên chuyển toàn bộ nợ sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn như trong thỏa thuận. Tạm tính đến ngày 15/01/2020 ông Lê Phúc Vinh Qu còn nợ ngân hàng là: Nợ gốc: 28.285.776đ, nợ lãi : 15.482.835đ. Tổng cộng: 43.768.611đ.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Phúc Vinh Qu phải thanh toán toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng và lãi phát sinh.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày: Tạm tính đến ngày 17/7/2020, ông Lê Phúc Vinh Qu còn nợ Ngân hàng số tiền tiền gốc: 22.285.776đ (do ông Quđã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng 6.000.000đ vào ngày 24/3/2020 và ngày 19/05/2020) nên ngân hàng xin thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với phần gốc so với đơn khởi kiện. Nợ lãi: 26.022.371đ, trong đó lãi trong hạn: (11/07/2017 -10/02/2019): 2,439.686đ, Lãi quá hạn: (11/02/2019 – 17/7/2020) : 24.578.222đ. Tổng cộng : 49.303.684đ. Do ông Quvi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên đề nghị Tòa án buộc ông Quphải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền trên và lãi phát sinh cho đến ngày ông Lê Phúc Vinh Quthanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Đối với bị đơn ông Lê Phúc Vinh Qu kể từ khi thụ lý vụ án cho đến nay không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 29/4/2020 và ngày 22/5/2020 dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và 02 thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, ông Qutiếp tục vắng mặt lần thứ 2 nhưng vẫn không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, *Hội đồng xét xử nhận định:*

*** Về thủ tục tố tụng:**

Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Lê Phúc Vinh Qu nhưng ông Qu vẫn vắng mặt không có lý do . Do bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*** Về nội dung tranh chấp:**

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng TMCP V yêu cầu ông Lê Phúc Vinh Qu phải trả cho Nguyên đơn số tiền là 49.303.684đ, trong đó: gốc: 22.285.776đ, lãi trong hạn : (11/07/2017 -10/02/2019) : 2.439.686đ, lãi quá hạn : (11/02/2019 – 17/7/2020) : 24.578.222đ và lãi phát sinh.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

Ngày 11/07/2017 ông Lê Phúc Vinh Qu có ký hợp đồng tín dụng số 20170711-0004910 với Ngân hàng TMCP V vay số tiền 63.000.000đ với lãi suất 38 % /năm, lãi suất vay quá hạn : 57 % /năm để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, ông Lê Phúc Vinh Qu có trách nhiệm thanh toán số tiền 107.263.656đ (gồm cả gốc và lãi), trả chậm trong 36 tháng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lê Phúc Vinh Qu đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 17/7/2020 ông Lê Phúc Vinh Qu đã trả được cho ngân hàng: 72,466,201đ, trong đó tiền gốc đã là : 40.714.224đ ,tiền lãi là : 31.734.460đ.

Tính đến ngày 17/7/2020 ông Qu còn nợ Ngân hàng là 49.303.684đ, trong đó: gốc: 22.285.776đ , lãi trong hạn : (11/07/2017 -10/02/2019) : 2,439.686đ, lãi quá hạn : (11/02/2019 – 17/7/2020) : 24.578.222đ. Do đó, việc Ngân hàng TMCP V yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Phúc Vinh Qu phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 49.303.684đ, trong đó: gốc: 22,285,776đ, lãi trong hạn : (11/07/2017 -10/02/2019) : 2.439.686đ, lãi quá hạn : (11/02/2019 – 17/7/2020) : 24.578.222đ là có căn cứ , phù hợp với Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là ông Lê Phúc Vinh Qu phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 49.303.684đ x 5% = 2.465.184đ.

Hoàn trả tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP V.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng TMCP V đối với ông Lê Phúc Vinh Qu.

Xử: Buộc ông Lê Phúc Vinh Qu phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 49.303.684đ. Trong đó số tiền nợ gốc: 22.285.776đ, lãi trong hạn là 2.439.686đ, lãi quá hạn là 24.578.222đ.

Lãi tiếp tục được tính từ ngày 18/7/2020 trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 20170711- 0004910.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Phúc Vinh Qu phải chịu 2.465.184đ. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 1.094.285đ tạm ứng án phí sơ thẩm mà Ngân hàng TMCP V đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 8913 ngày 03 tháng 3 năm 2020.

3. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Hải Châu;
- CCTHADS Q. Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Hồng Loan

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:⁽²⁾/...../.....

Ngày:⁽³⁾-.....-.....

V/v tranh chấp⁽⁴⁾

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN ⁽⁵⁾

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:⁽⁶⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

Thẩm phán: Ông (Bà)

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (Bà).....

2. Ông (Bà).....

3. Ông (Bà).....

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà).....⁽⁷⁾

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân⁽⁸⁾..... tham gia phiên tòa:

Ông (Bà).....-Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....⁽⁹⁾ tại

xét xử sơ thẩm công khai⁽¹⁰⁾ vụ án thụ lý số:...../...../TLST-.....⁽¹¹⁾ ngày..... tháng.....

năm..... về tranh chấp.....⁽¹²⁾

theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:...../...../QĐXX-ST ngày..... tháng.....

năm..... giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:⁽¹³⁾

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:⁽¹⁴⁾

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:⁽¹⁵⁾

2. Bị đơn:⁽¹⁶⁾

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:⁽¹⁷⁾

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:⁽¹⁸⁾

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập, tham gia tố tụng với bên nguyên đơn

hoặc tham gia tố tụng với bên bị đơn):⁽¹⁹⁾

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽²⁰⁾

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽²¹⁾

4. Người làm chứng⁽²²⁾

5. Người giám định:⁽²³⁾

6. Người phiên dịch:⁽²⁴⁾

NỘI DUNG VỤ ÁN: ⁽²⁵⁾

.....
.....
.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN: ⁽²⁶⁾

[1]
[2]
[3]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào.....⁽²⁷⁾
(28).

(29)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: “Số:100/2017/DS-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi:

“Số:108/2017/HNGĐ-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: “Số:110/2017/KDTM-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: “Số:115/2017/LĐ-ST”).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6

năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phân tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định

phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HỘI THỘM NHÂN DÂN

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THỘM PHẠM - CHỦ TOÁN PHIÊN TOÁN